

CHƯƠNG TRÌNH**bảo vệ và khai thác hiệu quả kinh tế rừng giai đoạn 2025 - 2030**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Chương trình bảo vệ và khai thác hiệu quả kinh tế rừng giai đoạn 2025 - 2030 như sau:

I. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CÔNG TÁC BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ RỪNG

Trong giai đoạn 2021 - 2025, công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần ổn định diện tích rừng, nâng cao tỷ lệ che phủ và duy trì hệ sinh thái rừng. Nhận thức của cấp ủy, chính quyền và người dân về vai trò của rừng được nâng lên; công tác khoán bảo vệ rừng, giao rừng tiếp tục được thực hiện; một số mô hình phát triển kinh tế dưới tán rừng bước đầu được chú trọng triển khai thực hiện.

Tuy nhiên, việc khai thác tiềm năng kinh tế rừng còn nhiều hạn chế, chưa tạo được bút phá, chưa đóng góp tương xứng vào mục tiêu phát triển nông nghiệp bền vững và nâng cao đời sống người dân. Ứng dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất còn hạn chế; liên kết chuỗi giá trị lâm nghiệp yếu; công nghiệp chế biến gỗ, lâm sản và các sản phẩm dưới tán rừng phát triển chậm; chưa hình thành được các mô hình kinh tế rừng mang tính lan tỏa, tạo giá trị kinh tế cao. Một số dự án cho thuê đất lâm nghiệp để thực hiện dự án bảo vệ và phát triển rừng triển khai kém hiệu quả. Nguồn tài nguyên rừng tuy lớn nhưng khai thác còn phân tán, giá trị kinh tế thu được thấp. Đất lâm nghiệp chiếm hơn 82% diện tích tự nhiên, tỷ lệ che phủ rừng năm 2025 ước đạt 55,06%; diện tích đất có tiềm năng phát triển kinh tế rừng lên tới hơn 515.000 ha, song phần lớn giá trị vẫn nằm ở dạng tiềm năng. Khoảng 87.000 hộ gia đình đang quản lý diện tích có rừng, nhưng phần lớn mới dừng ở khai thác nhỏ lẻ, tự cung tự cấp; chưa hình thành được vùng nguyên liệu tập trung, thiếu sự liên kết giữa người dân và doanh nghiệp. Bên cạnh đó, hạ tầng phục vụ sản xuất lâm nghiệp ở nhiều địa bàn còn thiếu; chính sách hỗ trợ lâm nghiệp chậm phát huy hiệu quả; thị trường tiêu thụ lâm sản, đặc biệt là dược liệu và sản phẩm bản địa, thiếu ổn định. Một số khu vực vẫn xảy ra vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ rừng; công tác kiểm tra, giám sát chưa thường xuyên; nguy cơ cháy rừng trong mùa khô còn cao.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

Bảo vệ rừng là nhiệm vụ nền tảng, phát triển kinh tế rừng là hướng đi chiến lược, nhằm khai thác hiệu quả lợi thế về diện tích rừng lớn và giá trị sinh thái của tỉnh. Ứng dụng mạnh mẽ khoa học công nghệ, đổi mới phương thức sản xuất, nâng cao giá trị sản phẩm lâm nghiệp và dược liệu, hình thành chuỗi liên kết bền vững. Thu hút doanh nghiệp đầu tư vào vùng nguyên liệu, chế biến và kinh tế dưới tán rừng. Hoàn thiện cơ chế, chính sách, hạ tầng quản lý rừng. Gắn phát triển kinh tế rừng với nâng cao sinh kế người dân, giảm nghèo bền vững, ổn định vùng biên giới, bảo vệ môi trường và giữ vững quốc phòng - an ninh.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Tập trung bảo vệ các diện tích rừng hiện có và làm giàu rừng theo hướng hiệu quả, bền vững, nâng cao giá trị hệ sinh thái rừng, đồng thời phát triển du lịch sinh thái rừng và nâng cao đời sống của người dân tham gia quản lý rừng. Nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng sản xuất; phát triển vùng rừng trồng cung cấp nguyên liệu tập trung, ưu tiên các nhóm sản phẩm có giá trị kinh tế, tận dụng lợi thế từng vùng. Hình thành các vùng rừng trồng tập trung như quế, hồi và các loại dược liệu quý, kết hợp xây dựng nhà máy chiết xuất tinh dầu và chế biến dược liệu tại vùng nguyên liệu.

2.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Nâng cao chất lượng rừng, đảm bảo tỷ lệ che phủ rừng đến hết năm 2030 đạt 56,15%.
- Trồng 300 ha dược liệu quý dưới tán rừng trên nương, rẫy, xây dựng một số vùng trồng dược liệu đạt tiêu chuẩn GACP-WHO.
- Trồng mới 3.000 ha loài cây Quế, cây Hồi và các loài cây dược liệu quý khác tại các địa điểm có khí hậu, thổ nhưỡng phù hợp.
- Xây dựng nhà máy sơ chế, chế biến và sản xuất dược liệu ứng dụng công nghệ cao.
- Xây dựng ít nhất 01 mô hình du lịch sinh thái dựa vào rừng, du lịch lâm nghiệp cộng đồng gắn với bản sắc văn hóa truyền thống, lấy người dân làm trung tâm.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ

1.1. Bảo vệ rừng - quản lý rừng bền vững

- Bảo vệ diện tích rừng tự nhiên hiện có 348.233,94 ha (trong đó: Rừng đặc dụng là 14.308,19 ha; rừng phòng hộ là 196.053,27 ha; rừng sản xuất là

126.936,46 ha, diện tích rừng tự nhiên ngoài lâm nghiệp là 10.926,02 ha). Kiểm soát chặt chẽ các dự án chuyển mục đích sử dụng rừng, đặc biệt là các dự án chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Rà soát 48.601,55 ha diện tích rừng sản xuất và rừng phòng hộ hiện do UBND xã đang quản lý để giao cho các hộ gia đình, cá nhân đang canh tác, sử dụng lâu dài nhằm thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ rừng.

- Xây dựng bản đồ số hóa phục vụ lập kế hoạch bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng.

- Thực hiện tốt công tác phòng cháy, chữa cháy rừng đảm bảo chủ động lực lượng, phương tiện theo phương châm “bốn tại chỗ”; phân công lực lượng ứng trực 24/24 giờ trong suốt mùa khô; bố trí các điểm chốt chặn, tuần tra canh gác ở những khu vực trọng điểm dễ xảy ra cháy rừng, kiểm soát chặt chẽ người ra vào những khu vực rừng có nguy cơ cháy rừng cao; kịp thời phát hiện điểm cháy, huy động các lực lượng tham gia khống chế và dập tắt cháy rừng trong thời gian ngắn nhất, không để xảy ra cháy lớn.

- Kiểm tra, rà soát các tụ điểm phá rừng và các cơ sở chế biến gỗ trên địa bàn tỉnh; xác định, truy quét các “đầu nậu” mua bán, vận chuyển lâm sản trái pháp luật; xóa bỏ các địa điểm xảy ra phá rừng; xử lý nghiêm các cơ sở chế biến gỗ và các “đầu nậu” vi phạm pháp luật theo quy định của pháp luật.

1.2. Phát triển hiệu quả kinh tế rừng bền vững

Phát triển kinh tế rừng bền vững, đảm bảo rừng phát triển hài hòa cả về kinh tế, môi trường và xã hội; tạo ra sinh kế bền vững, nâng cao thu nhập cho cộng đồng, cụ thể:

- Rà soát, đánh giá các khu vực không đáp ứng tiêu chí rừng phòng hộ để xem xét chuyển sang rừng sản xuất, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất lâm nghiệp và phát huy giá trị kinh tế rừng; rà soát diện tích 10.926,02 ha rừng tự nhiên ngoài lâm nghiệp để đưa vào quy hoạch rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất.

- Trồng mới 3.000 ha loài cây Quế, cây Hồi và các loài cây dược liệu quý khác; trồng mới 300 ha các cây dược liệu dưới tán rừng, trên nương, rẫy (*Sa nhân, Tam thất, Dương quy, Hoàng liên, Bạch cập, Hy thiêm, Bách Bộ, Hà thủ ô, Sâm các loại...*) theo hướng liên kết chuỗi giá trị sản phẩm, triển khai thực hiện tại các xã, phường có điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu phù hợp.

- Thu hút, khuyến khích các nhà đầu tư chiến lược xây dựng các nhà máy chế biến và chiết xuất dược liệu. Xây dựng 01 nhà máy sơ chế, chế biến và sản xuất dược liệu ứng dụng công nghệ cao tại xã Nguyên Bình.

- Xây dựng, triển khai đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại Vườn Quốc gia Phia Oắc - Phia Đén và các khu rừng đặc dụng.

- Mở rộng các nguồn thu dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, thu dịch vụ môi trường rừng tăng bình quân 2%/năm. Rà soát ký kết hợp đồng ủy thác chi trả dịch vụ môi trường rừng đối với các nhà máy thủy điện đang xây dựng và hoàn thiện đi vào vận hành như: Dự án Thủy điện Bảo Lạc A, dự án Nhà máy thủy điện Bản Ngà, Bản Riễn, các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, cơ sở sản xuất công nghiệp có sử dụng nguồn nước cho sản xuất công nghiệp, cơ sở nuôi trồng thủy sản nhằm tăng nguồn thu dịch vụ môi trường rừng.

- Khai thác rừng theo chu kỳ với diện tích khoảng 1.200 ha rừng sản xuất là rừng trồng và thực hiện trồng lại rừng ngay vụ trồng rừng kế tiếp nhằm phát triển kinh tế rừng bền vững. Trồng rừng gỗ lớn, chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang gỗ lớn, trồng rừng thay thế trên đất quy hoạch rừng phòng hộ giai đoạn 2025 - 2030 là 1.148,48 ha, đồng thời, trồng cây phân tán 2.000.000 cây trên địa bàn tỉnh.

1.3. Bảo tồn rừng đặc dụng và hệ sinh thái tự nhiên

- Bảo vệ và bảo tồn hơn 8.900 ha hệ sinh thái rừng đặc dụng tại Vườn Quốc gia Phia Oắc - Phia Đén và hơn 7.380 ha hệ sinh thái rừng đặc dụng tại Khu bảo tồn Vườn Cao vút Trùng Khánh, cụ thể:

+ Cập nhật cơ sở dữ liệu về các loài động, thực vật nguy cấp, quý, hiếm; thực hiện các biện pháp phục hồi sinh cảnh, trồng bổ sung các loại cây trồng bản địa trong rừng đặc dụng để làm giàu rừng bảo tồn nguồn gen, trồng bổ sung cây bản địa quý hiếm.

+ Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo tồn rừng đặc dụng và động vật hoang dã; mở rộng hợp tác quốc tế, tranh thủ nguồn lực, dự án hỗ trợ bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

1.4. Quy hoạch vùng nguyên liệu rừng, ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý rừng bền vững:

- Thực hiện điều tra xác định hiện trạng rừng tỉnh Cao Bằng nhằm xác định cụ thể trữ lượng rừng, sinh khối và trữ lượng các-bon để tạo cơ sở cho việc hình thành, hoàn thiện và phát triển thị trường các-bon và tín chỉ carbon rừng (Forest Carbon Credits) trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2025 - 2030 (sau khi các văn bản quy định, hướng dẫn cụ thể của Trung ương).

- Rà soát, thu hồi các diện tích đất lâm nghiệp do vi phạm pháp luật về đất đai; các diện tích rừng sử dụng không hiệu quả hoặc bỏ hoang, kém hiệu quả, kiên quyết thu hồi theo đúng quy định. Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai gắn với chuyển đổi số; tổ chức rà soát, công bố, công khai quỹ đất, nhu cầu chuyển nhượng, cho thuê, góp vốn bằng quyền sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất; trên cơ sở đó hình thành quỹ đất nhằm chủ động kêu gọi đầu tư, cùng với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp.

- Tổ chức rà soát, xác định các vùng, diện tích đất sản xuất có thể phát triển các loại cây trồng thế mạnh của tỉnh, xây dựng bản đồ quy hoạch các vùng rừng trồng tập trung tùy theo loại rừng (rừng phòng hộ, rừng sản xuất), hay theo mục đích trồng rừng (phục hồi rừng, trồng rừng gỗ lớn, trồng rừng kinh tế để xây dựng các phương án trồng rừng. Xây dựng quy hoạch vùng trồng rừng các loài cây Quế, Hồi và vùng trồng các loài cây dược liệu dưới tán rừng.

2. 2. Giải pháp thực hiện

2.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ đảng, chính quyền, nhất là phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong tổ chức, điều hành và triển khai nhiệm vụ của Chương trình; đề cao tinh thần gương mẫu, chủ động, quyết đoán, chịu trách nhiệm trước tập thể và cấp trên về kết quả thực hiện. Đổi mới phương pháp lãnh đạo theo hướng khoa học, linh hoạt, sát thực tiễn và phù hợp điều kiện của từng ngành, từng địa phương. Huy động sự ủng hộ tham gia của Nhân dân, các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp trong thực hiện Chương trình.

- Xây dựng và ban hành kịp thời các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể để thống nhất tổ chức thực hiện, rà soát và điều chỉnh cơ chế phối hợp giữa các đơn vị nhằm bảo đảm đồng bộ, tránh chồng chéo hoặc bỏ sót nhiệm vụ, đồng thời tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả.

- Tăng cường kiểm tra, đôn đốc và thực hiện công tác thi đua khen thưởng; tổ chức các đợt kiểm tra định kỳ và đột xuất để kịp thời phát hiện và giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong triển khai nhiệm vụ.

2.2. Về xác định đối tượng thực hiện Chương trình

- Tổ chức vận động, hỗ trợ Nhân dân, hợp tác xã thực hiện sản xuất theo chuỗi giá trị, trong đó tập trung đẩy mạnh triển khai các dự án/kế hoạch sản xuất theo chuỗi giá trị thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh. Ký kết hợp đồng bao tiêu, liên kết với hệ thống siêu thị, sản thương mại điện tử.

- Vận động Nhân dân, các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã trong và ngoài tỉnh tham gia thực hiện Chương trình. Thu hút, khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư tiềm năng tìm kiếm thị trường, xây dựng nhà máy chế biến, vùng sản xuất nguyên liệu trên địa bàn tỉnh.

2.3. Về kinh phí thực hiện Chương trình

- Tiếp tục huy động tối đa các nguồn lực để thực hiện công tác trồng rừng, bảo vệ và phát triển rừng; lồng ghép nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình đầu tư cơ sở hạ tầng nhằm hoàn thiện hệ thống hạ tầng phục vụ sản xuất, nhất là hệ thống giao thông, thuỷ lợi, cấp điện. Đa dạng hoá các nguồn vốn huy động, đẩy mạnh xã hội hoá, thu hút các nguồn vốn từ doanh nghiệp, huy động nội lực trong Nhân dân để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn.

- Tiếp tục tổ chức có hiệu quả các cơ chế chính sách của Trung ương và hướng dẫn các địa phương, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân phát triển sản xuất, tiếp cận nguồn lực hỗ trợ từ các chính sách hiện có.

- Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất, bổ sung các cơ chế, chính sách phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh gắn liền với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2025 - 2030, Chương trình phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2025 - 2030.

2.4. Về tuyên truyền, vận động

- Huy động sự vào cuộc mạnh mẽ của các cấp ủy đảng, chính quyền, các sở, ban, ngành, các tổ chức đoàn thể, các cơ quan truyền thông, báo chí tuyên truyền, phổ biến, quán triệt đến toàn thể cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Các hình thức tuyên truyền, vận động: Tuyên truyền miệng tại các Hội nghị báo cáo viên các cấp, tuyên truyền trong các tổ chức đảng, cơ quan, đoàn thể.; tuyên truyền qua các phương tiện thông tin đại chúng, các ấn phẩm, trang tin điện tử, cổng thông tin điện tử; tuyên truyền, cổ động trực quan, xây dựng cụm panô tuyên truyền, các khẩu hiệu, tranh ảnh, tờ rơi...

- Xây dựng chương trình tuyên truyền ngắn gọn, đơn giản, nâng cao được tính cộng đồng và trách nhiệm của người dân trong bảo vệ và phát triển kinh tế rừng. Tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân, hợp tác xã, doanh nghiệp đang hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp về các định hướng phát triển nông, lâm nghiệp: Việc thực hiện liên kết, sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn; sử dụng các giống cây trồng chất lượng, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, chế biến sản phẩm; các cơ chế chính sách ưu đãi đầu tư, khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức, cá nhân đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp.

(Chi tiết có Biểu 01, 02 kèm theo Chương trình)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy đảng, chính quyền tuyên truyền, quán triệt nội dung Chương trình này đến toàn thể cán bộ, đảng viên và Nhân dân; căn cứ điều kiện, tình hình thực tế của địa phương, đơn vị xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể và tổ chức thực hiện hiệu quả.

2. Đảng ủy Hội đồng nhân tỉnh chỉ đạo nghiên cứu, rà soát, kịp thời đề xuất việc sửa đổi, bổ sung, ban hành các nghị quyết về cơ chế, chính sách thu hút đầu tư trong phát triển kinh tế rừng, bảo vệ rừng; giám sát các ngành, các cấp triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình.

3. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chỉ đạo, định hướng các cơ quan báo chí, truyền thông của tỉnh thực hiện tuyên truyền, phổ biến nội dung Chương trình của Tỉnh ủy.

4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cơ sở đẩy mạnh tuyên truyền, vận động cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân tích cực tham gia thực hiện Chương trình; thực hiện giám sát, phản biện xã hội trong quá trình xây dựng cơ chế, chính sách về quản lý, bảo vệ và phát triển kinh tế rừng.

5. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn liên quan:

- Tham mưu ban hành Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình trọng tâm về bảo vệ và khai thác hiệu quả kinh tế rừng giai đoạn 2025 - 2030; cụ thể hoá các mục tiêu, phân công rõ nhiệm vụ, tiến độ hoàn thành, nguồn lực thực hiện theo từng việc đối với từng cấp, từng ngành liên quan đảm bảo hoàn thành mục tiêu Chương trình đã đề ra.

- Tham mưu cho Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình trọng tâm về bảo vệ và khai thác hiệu quả kinh tế rừng giai đoạn 2025 - 2030 sau khi được thành lập xây dựng Kế hoạch hằng năm thực hiện Chương trình; thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả triển khai thực hiện với Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. *la*

Nơi nhận:

- Ban Bí thư TW Đảng, (báo cáo)
- Văn phòng TW Đảng,
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các ban, sở, ngành, đoàn thể tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- LĐVP, CVTH,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy. *la*

**T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ**



Quản Minh Cường

BIỂU 1: QUY HOẠCH KHU VỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

(Kèm theo Chương trình số 03-Ctr/TU ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Tỉnh ủy Cao Bằng)

STT	Nội dung	Địa điểm thực hiện
1	Phát triển 300 ha cây dược liệu	Tại các xã: Nguyên Bình, Tĩnh Túc, Tam Kim, Minh Tâm, Phan Thanh, Ca Thành, Thành Công, Bảo Lạc, Cô Ba, Cốc Pàng, Khánh Xuân, Xuân Trường, Hưng Đạo, Sơn Lộ, Huy Giáp, Bảo Lâm; Quảng Lâm; Yên Thổ, Nam Quang, Lý Bôn, Đông Khê, Thạch An, Đức Long, Kim Đồng, Canh Tân, Minh Khai
2	Trồng mới 3.000 ha cây hồi, quế	Trên địa bàn tỉnh Cao Bằng
3	Xây dựng nhà máy sơ chế, chế biến và sản xuất dược liệu ứng dụng công nghệ cao	Tại xã Nguyên Bình
4	Xây dựng 01 mô hình du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí	Vườn Quốc gia Phia Oắc - Phia Đén
5	Rà soát diện tích rừng phòng hộ ít xung yếu để chuyển mục đích sang rừng sản xuất	Trên địa bàn tỉnh Cao Bằng
6	Trồng rừng sản xuất	Trên địa bàn tỉnh Cao Bằng
7	Bảo vệ rừng	Trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

BIỂU 2: TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

(Kèm theo Chương trình số 03-Ctr/TU ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Tỉnh ủy Cao Bằng)

TT	Hạng mục	Khối lượng	Đơn vị tính	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Trong đó	
					Ngân sách nhà nước (Triệu đồng)	Doanh nghiệp, người dân (Triệu đồng)
1	Phát triển cây dược liệu dưới tán rừng	300	ha	45.000	21.000	24.000
2	Mở rộng diện tích trồng cây hồi, quế	3.000	ha	90.000	45.000	45.000
3	Thu hút xây dựng mô hình phát triển du lịch sinh thái rừng	1	Công trình	100.000		100.000
4	Xây dựng nhà máy sơ chế, chế biến và sản xuất dược liệu ứng dụng công nghệ cao	1	Công trình	229.440	66.019	163.421
5	Bảo vệ rừng	348.233,01	ha	850.161	698.186	151.975
6	Trồng cây phân tán	2	Triệu cây	4.000	2.320	1.680
Tổng cộng				1.318.601	832.525	486.076